

Bản án số: 283 /2020/HNGĐ-ST

Ngày: 12/8/2020

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Quang Trung

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Dung

2. Bà Nguyễn Thị Hà.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Nhiên - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm C khai vụ án thụ lý số: 184/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** chị Nguyễn Thị D; sinh năm 1986; HKTT: Số 3/292 đường M, thị trấn P, huyện K, Thành phố Hà Nội; Trú tại: Ngõ 39 Q, phường A, quận X, thành phố Hà Nội(có mặt tại phiên tòa)

**Bị đơn:** anh Nguyễn Văn C; sinh năm 1981; HKTT: Số 3/292 đường M, thị trấn P, huyện K, Thành phố Hà Nội. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam G- Bộ C an ( có đơn xin xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 01/6/2020 và các lời khai cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị D trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn C trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện K, thành phố Hà Nội ngày 27/4/2015. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh C thường xuyên chửi, đánh, đuổi chị ra khỏi nhà, anh C còn nghiện ma túy đá, hay bỏ nhà đi đâu

không thông báo, không chăm sóc vợ con. Từ khoảng tháng 3 năm 2018 do anh C đánh đuổi chị nên chị đã bế con về ở cùng với bố mẹ đẻ ở cho tới nay, chị và anh C ly thân đã lâu. Nay chị D xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Bảo S, sinh ngày 02/10/2015 hiện đang ở với chị D, khi ly hôn chị xin được nuôi con chung và tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng.

Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị Nguyễn Thị D không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn anh Nguyễn Văn C có bản tự khai trình bày: Anh và chị D kết hôn có đăng ký tại UBND thị trấn P năm 2015. Vợ chồng có thời gian sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên hai người đã ly thân, chị D và con bỏ ra ngoài ở không sống cùng với anh. Do anh nghiện ma túy và bị bắt từ năm 2019 nên anh phải chấp hành án cho tới nay. Nay chị D xin ly hôn, anh đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Anh và chị D có 01 con chung là Nguyễn Bảo S, sinh ngày 02/10/2015 hiện con chung đang ở với chị D, khi ly hôn, anh đồng ý giao con chung cho chị D nuôi dưỡng, do hiện nay anh đang phải chấp hành án phạt tù nên anh không thể cấp dưỡng nuôi con đề nghị Tòa xem xét.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu giải quyết, vợ chồng không có nợ chung.

Tại phiên tòa hôm nay chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình cụ thể: Về quan hệ hôn nhân chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh C; về con chung, vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Bảo S, sinh ngày 02/10/2015, hiện nay con chung đang ở với chị nên chị xin được tiếp tục nuôi và không yêu cầu anh C đóng góp tiền nuôi con hàng tháng; về tài sản chung: chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh C vắng mặt có đơn xin vắng mặt tham gia tố tụng và vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt bị đơn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như xác định đúng quan hệ pháp luật, đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, cũng như quá trình thu thập chứng cứ đảm bảo đúng quy định.

Các thành viên Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa có mặt đúng như trong quyết định, tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại phiên tòa.

Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ và đúng quy định trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D xử cho chị D được ly hôn anh C; về con chung giao cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Bảo S đến khi đủ 18 tuổi, tạm hoãn việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng đối với anh C; tài sản chung không đặt ra giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra C khai tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến của nguyên đơn tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Văn C đã được cấp tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt bị đơn được quy định tại Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Xét ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và đúng với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D kết hôn với anh Nguyễn Văn C trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện K, thành phố Hà Nội ngày 27/4/2015 nên đây là một hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị D khai là do anh C thường xuyên chửi, đánh, đuổi chị ra khỏi nhà, anh C còn nghiện ma túy đá, hay bỏ nhà đi đâu không thông báo, không chăm sóc vợ con. Chị D đã bỏ nhà đi từ tháng 3 năm 2018 cho tới nay, chị và anh C ly thân. Nay chị D xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn với anh C. Đối với anh C, đã có bản tự khai trình bày từ năm 2018 đến nay anh và chị D sống ly thân và cũng đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị D được ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị D và anh C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị D, xử cho chị D được ly hôn anh C là phù hợp với ý kiến của Kiểm sát viên cũng như phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn C có 01 con chung là Nguyễn Bảo S, sinh ngày 02/10/2015. Hiện nay con chung đang ở với chị D có cuộc sống ổn định, bản thân chị D có nguyện vọng xin được nuôi con chung và tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng. Anh C đồng ý để chị D trực tiếp nuôi con chung. Xét thấy yêu cầu đó của chị D là phù hợp nên cần chấp nhận giao cho chị D được nuôi con chung là Nguyễn Bảo S, tạm hoãn việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung đối với anh C đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có yêu cầu mới.

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn C không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

*1/ Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

*2/ Về con chung:* Xử giao cho chị Nguyễn Thị D nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Bảo S, sinh ngày 02/10/2015, tạm hoãn việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng đối với anh C đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có yêu cầu mới.

*Không ai được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung đối với anh C.*

*3/Về tài sản chung:* Không đặt ra giải quyết.

*4/ Về án phí sơ thẩm:* Chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ, số tiền 300.000đ mà chị D đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2010/0005258 ngày 02/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K chuyển thành án phí ly hôn sơ thẩm.

*Án xử C khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn . Báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm đối với nguyên đơn, bị đơn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.*

#### **Nơi nhận:**

-Các đương sự.

-Viện kiểm sát nhân dân huyện K

-Lưu HSVA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*